TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/*2018*/HNGĐ-ST
Ngày: *11-01-2018*
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Từ Ngọc Viễn**

2. Bà **Nguyễn Thị Hơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ** - Thư lý Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân**.-Kiểm sát viên.

Ngày *11* tháng *01* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: *654*/*2017*/TLST-DS ngày *25* tháng *10* năm *2017* về tranh chấp *Xin ly hôn.*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *147*/*2017*/QĐXX-ST ngày *04* tháng *12* năm *2017* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Tôn Triệu Mary A**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số 20/4 đường L Kp 3, phường N, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

Tạm trú: số 72C ấp B, xã L, Chợ Gạo, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* ông **Trần Văn S**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số 20/4 đường L Kp 3, phường N, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt bà A, vắng mặt ông S**)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tôn Triệu Mary A trình bày: do quen biết nên vào năm 2005 bà và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng, vợ chồng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 13/3/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông S thường xuyên nhậu say vô cớ hành hung đánh đập vợ và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: có hai con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 30/6/2008 và Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Văn S đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoản phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tôn Triệu Mary A và ông Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18 ngày 13/3/2008. Ngày 19/10/2017 bà A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S đây là tranh chấp xin ly hôn được quy định tại điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử, quyết định hoản phiên tòa hợp lệ nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về hôn nhân: bà Tôn Triệu Mary A và ông Trần Văn S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005 được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông S thường xuyên nhậu say vô cớ hành hung đánh đập vợ và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài, dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi Toà án thụ lý vụ án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông S để thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con của bà A, nhưng ông S không có ý kiến gì và không có mặt tham gia phiên hoà giải mà không có lý do, khi Toà án xét xử đã triệu tập ông S đến để tham dự phiên toà, nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc ông S không đến dự phiên toà là ông mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng

đoàn tụ với nhau. Xét thấy, đời sống vợ chồng giữa bà Anh và ông S đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có hai con chung là Trần Đăng K sinh ngày 30/6/2008 và Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/10/2013. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, do ông S không đến dự phiên toà nên coi như ông đã từ bỏ quyền của mình đối với yêu cầu về nuôi dưỡng con chung. Cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của bà A là phù hợp với quy định tại điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà A yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai cháu K và N mỗi tháng 1.000.000 đồng một cháu, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu K và cháu N tròn 18 tuổi lao động được. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng một cháu là không quá cao so với mức sống hiện nay. Do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà A là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 82,110 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này .

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phát biểu và đề nghị: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, cho bà A được ly hôn với ông S, con chung giao bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi hai cháu K và N, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con ông S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho bà Tôn Triệu Mary A được ly hôn với ông Trần Văn S.

2- Về con chung: giao hai cháu Trần Đăng K, sinh ngày 30/6/2008 và Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/10/2013 cho bà Tôn Triệu Mary A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này.

Buộc ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi hai cháu Trần Đăng K, sinh ngày 30/6/2008 và Trần Ngọc Bảo N, sinh ngày 27/10/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K và cháu N tròn 18 tuổi lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu ông S chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3- Về án phí: Bà Tôn Triệu Mary A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011636 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong.

Ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND phường N
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Ngọc Tuyền